

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẦU NGANG  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25/01/2021

*“V/v Ly hôn và tranh chấp về  
nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Phương Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Văn Đáng;  
Ông Kim Na Rinh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Đây - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh:**  
Ông Lý Phước Bền, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2020/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 12 năm 2020 về việc *“Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Thạch Thị Ngọc M, sinh năm 1976. Có mặt.

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn Oai, sinh năm 1977. Có mặt.

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Thạch Thị Ngọc M trình bày:*

Về hôn nhân: Vào năm 2001 chị và anh Nguyễn Văn O qua thời gian quen biết và tìm hiểu khoảng hơn 01 năm nên tiến tới hôn nhân và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Nữ trang sau ngày cưới đã bán hết không còn. Thời gian chung sống, chị và anh O có đủ điều kiện đăng ký kết. Khi chị và anh

O đi đăng ký kết hôn do thiếu giấy tờ nên không đăng ký kết hôn được nên chị và anh O không có đăng ký kết hôn cho đến nay. Quá trình chung sống, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau về lối sống và kinh tế nên giữa vợ chồng chị thường xuyên xảy ra cự cãi, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, hiện tại chị không còn tình cảm với anh O. Chị và anh O đã ly thân nhau khoảng 03 năm nay, không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Khi chị và anh O xảy ra cự cãi thì gia đình hai bên đều biết và có khuyên ngăn nhưng sau đó giữa chị và anh O vẫn xảy ra cự cãi, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn O.

- Về nuôi con tên: Thạch Văn H, sinh ngày 26/6/2002 đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết và Thạch Thị Thu T, sinh ngày 29/5/2007, chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu anh O cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Chị không tranh chấp, không khởi kiện.

Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

*Tại bản khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Nguyễn Văn O trình bày:*

- Về hôn nhân: Quá trình xác lập hôn nhân chị M trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh là do không hợp nhau về lối sống và kinh tế gia đình nên giữa vợ chồng anh xảy ra cự cãi. Anh và chị M đã sống ly thân khoảng 03 năm nay. Khi vợ chồng anh sống ly thân thì gia đình hai bên đều biết và có khuyên ngăn nhưng do anh và chị M không còn thương yêu nhau nên hai bên gia đình để cho anh chị tự quyết định. Tại phiên tòa hôm nay, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Thạch Thị Ngọc M.

- Về nuôi con tên: Thạch Văn H, sinh ngày 26/6/2002 đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết và Thạch Thị Thu T, sinh ngày 29/5/2007, anh đồng ý để chị M được tiếp tục nuôi dưỡng con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Anh không tranh chấp, không khởi kiện.

Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

### **Lời phát biểu của Kiểm sát viên:**

- Về việc tuân theo pháp luật:

Quá trình thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định của pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi có Quyết định đưa

vụ án ra xét xử đều được tổng đạt đầy đủ cho các đương sự. Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 9, 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình và điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về thi hành Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Thạch Thị Ngọc M và anh Nguyễn Văn O là vợ chồng.

- Về con chung: Thạch Văn H, sinh ngày 26/6/2002 đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét và Thạch Thị Thu T, sinh ngày 29/5/2007, chị M yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng và anh O đồng ý để chị M tiếp tục nuôi dưỡng. Căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị M được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T theo nguyện vọng của cháu T. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và số nợ phải thu phải trả, chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị Thạch Thị Ngọc M là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn nộp tiền án phí. Căn cứ Điều 12, 14 và Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho chị M theo quy định của pháp luật.

- Phần kiến nghị: Không có

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Chị Thạch Thị Ngọc M khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Văn O, địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang.

[2] *Về hôn nhân*: Chị M và anh O sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2001 cho đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, thời gian chung sống chị M và anh O có đủ điều kiện đăng ký kết hôn, nhưng chị M và anh O không đăng ký kết hôn theo quy định, từ đó xác định đây là hôn nhân không hợp pháp.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị M xác định:* Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chị là do không hợp nhau về lối sống và kinh tế gia đình nên giữa vợ chồng chị thường xuyên xảy ra cự cãi, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, hiện tại chị không còn tình cảm với anh O. Chị và anh O đã ly thân nhau khoảng 03 năm nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh O.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh O xác định:* Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh là do không hợp nhau về lối sống và do kinh tế gia đình nên vợ chồng anh xảy ra cự cãi. Vợ chồng anh không còn thương yêu quan tâm chăm sóc nhau, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt nên vợ chồng anh đã ly thân khoảng 03 năm nay, nay chị M yêu cầu ly hôn anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, chị M và anh O xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là trầm trọng, không hàn gắn được. Chị M cương quyết xin ly hôn với anh O. Anh O đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M. Tuy nhiên, tại thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân chị M và anh O, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng chị M và anh O không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ –QH10 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X ngày 09 tháng 6 năm 2000; Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử không công nhận chị M và anh O là vợ chồng.

[3] *Về con chung:* Thạch Văn H, sinh ngày 26/6/2002 đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét và Thạch Thị Thu T, sinh ngày 29/5/2007, chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/12/2020 cháu T có nguyện vọng sống chung với chị M và anh O đồng ý để chị M tiếp tục nuôi dưỡng. Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị M được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Thạch Thị Thu T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị M không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét

[5] *Về tài sản chung và nợ phải thu, phải trả:* Chị M và anh O không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6] *Về án phí:* Chị Thạch Thị Ngọc M là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn nộp tiền án phí. Căn cứ Điều 12, 14 và Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí cho chị M.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 235, 273 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 14, 53, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về thi hành Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 12, 14 và Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của chị Thạch Thị Ngọc M.

*1. Về hôn nhân:* Không công nhận chị Thạch Thị Ngọc M và anh Nguyễn Văn O là vợ chồng.

*2. Về con chung:*

Thạch Văn H, sinh ngày 26/6/2002 đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét .

Chị Thạch Thị Ngọc M được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Thạch Thị Thu T, sinh ngày 29/5/2007 khi ly hôn.

Anh Nguyễn Văn O có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

*3. Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị M không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*4. Về tài sản chung và nợ phải thu, phải trả:* Chị M và anh O không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Chị Thạch Thị Ngọc M được miễn án phí theo quy định.

*6. Về quyền kháng cáo:* Chị Thạch Thị Ngọc M và anh Nguyễn Văn O có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,*

*7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Phương Hà**